

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 3 - 2021

V/v: *Ly hôn, một bên mất tích.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Công Lâm;
2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Minh - KSV.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST - HNGĐ ngày 23/11/2020 về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn DH, xã TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn DH, xã TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn N sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị X sinh năm 1964; Cùng địa chỉ: Thôn DH, xã TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Ông N và bà X vắng mặt tại phiên tòa (Ông N và bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/9/2008. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do kinh tế khó khăn, nhiều lúc vợ chồng cãi cọ xúc phạm nhau. Khoảng tháng 4 năm 2016 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh T bỏ đi

đâu không rõ, chị T và gia đình hai bên đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không biết anh T ở đâu làm gì. Chị Nguyễn Thị T đã yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu tuyên bố anh Nguyễn Văn T mất tích, ngày 16/10/2020 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tuyên bố anh Nguyễn Văn T mất tích theo quyết định số 03/2020/QĐDS-ST. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh T1 sinh ngày 22/7/2009, hiện đang ở với ông bà nội cháu là ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị X, vì do gần nhà nên chị vẫn để cháu ở cùng ông bà nội, hàng năm có chu cấp tiền học hành, quần áo cho cháu; Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T hiện nay không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tại nơi cư trú cuối cùng và tại xã TH nhưng anh T đều không có mặt, nên Tòa án không tiến hành làm việc được với anh T.

Tòa án đã làm việc với chính quyền xã TH thì được biết anh Nguyễn Văn T đã bỏ đi khỏi địa phương từ lâu, từ khi Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay anh T không có mặt tại địa phương, cũng như không biết tin tức gì về anh T ở đâu.

Tại bản tự khai đề ngày 08/12/2020, ý kiến tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 31/12/2020 ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị X là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T cùng có ý kiến: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng, anh T đi làm ăn 05 năm nay không có tin tức gì; Từ nhỏ cháu Nguyễn Thị Thanh T1 ở cùng ông N và bà X, nay vợ chồng anh T và chị T ly hôn, nếu chị T để cháu T1 ở với ông N và bà X, ông N và bà X sẽ có trách nhiệm nuôi cháu T1, ông N và bà X không yêu cầu đề nghị gì về việc yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu T1.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ quy định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị T, ông N và bà X đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T vắng mặt

không có lý do và phiên tòa cũng đã được hoãn lần thứ nhất vào ngày 03/02/2021; Do đó căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt: Chị T, anh T, ông N và bà X.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Chị Trịnh Thị T yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử căn cứ vào quyết định đã có hiệu lực thi hành số 03/2020/QĐDS-ST ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa tuyên bố anh Nguyễn Văn T mất tích nên yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị T là phù hợp với khoản 2 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị T và xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3]. Về con chung: Chị T khai nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 22/7/2009; Chị T xuất trình cho Tòa án bản sao trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Thị Thanh T1 có ghi họ tên mẹ là chị Trịnh Thị T, họ tên bố là Nguyễn Văn T; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Nguyễn Thị Thanh T1 là con chung của chị T và anh T. Hiện cháu T1 đang ở với ông N và bà X là ông bà nội của cháu T1, công sức nuôi dưỡng cháu T1 ông N và bà X không yêu cầu gì. Cháu T1 có nguyện vọng được ở với ông bà nội, tuy nhiên theo quy định tại Điều 69 Luật hôn nhân gia đình “Cha mẹ có nghĩa vụ trông nom nuôi dưỡng, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của con chưa T niên”, theo quy định tại Điều 104 Luật hôn nhân gia đình: “Con cái chưa T niên mà không có người nuôi dưỡng thì ông bà nội, ông bà Ngoại có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng” quá trình chung sống chị T chưa vi phạm nghĩa vụ làm mẹ, gia đình hai bên ở gần nhau có nhiều thời gian qua lại chăm sóc thăm nom cháu T1; Nên chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của anh T đối với phần tài sản giữa chị T và anh T nên sau này anh Nguyễn Văn T trở về hoặc người có quyền lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích thì dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 56, các Điều 58, 69, 81, 82, 83, 84, Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 22/7/2009 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị T, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005850 ngày 23/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Ông N và bà X có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Lâm

Trịnh Thị Hạnh

Hoàng Văn Đạt